

## PHẦN II

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

##### **LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

##### **1. Đăng ký khai thác tuyến**

###### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ thành phần hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:

+ Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật đủ hồ sơ. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp;

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh:

Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để lấy ý kiến.

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Trường hợp có doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến (trùng tuyến, trùng giờ), Sở Giao thông vận tải được lấy ý kiến thống nhất với Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến để quyết định theo nguyên tắc doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ trước được kiểm tra và xử lý hồ sơ trước theo thứ tự thời gian. Hết thời hạn trên

nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến đã đồng ý.

Trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý;

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

- Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (hoặc qua hệ thống bưu điện) cho đơn vị vận tải.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện.

- Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021: Nộp hồ sơ trực tuyến trên trang điện tử của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: [qlvt.mt.gov.vn](http://qlvt.mt.gov.vn) và làm theo hướng dẫn.

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong ngày làm việc (trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định)

+ Sáng: Từ 07g00 đến 11g30;

+ Chiều: Từ 13g00 đến 16g30.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định;

+ Bản sao Biên bản thống nhất giữa bên xe hai đầu tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý;

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

- Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, Hợp tác xã.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải đối lưu.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công.

**h) Phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu Đăng ký khai thác tuyến theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải loại hình vận tải khách theo tuyến cố định.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

.....

-----

Số: .../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: .....do ... (*tên cơ quan cấp*) ..... cấp ngày ...../...../.....
5. Đăng ký ..... (1) ..... tuyến: Mã số tuyến: .....  
Nơi đi: ..... Nơi đến: ..... (2)  
Bến xe đi: ..... Bến xe đến: ..... (3)  
Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: ..... giờ.... phút, vào các ngày .....  
Giờ xe xuất bến tại bến xe đến: ..... giờ.... phút, vào các ngày .....  
Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng: .....
6. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

PHƯƠNG ÁN  
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:.....  
 Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.  
 Bến đi: .....; Bến đến: .....  
 cự ly vận chuyển: ..... km.  
 Hành trình: .....

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài))..... trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:**.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc ... giờ ... .. phút, vào các ngày .....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc ... giờ ... .. phút, vào các ngày .....

b) **Chiều về: xuất bến tại:**.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc ... giờ ... .. phút, vào các ngày .....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc ... giờ ... .. phút, vào các ngày .....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ..... phút.

4. Tốc độ lữ hành: ..... km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:**.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến: .....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến: .....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) **Chiều về: xuất bến tại:**.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến; .....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến: .....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

**III. Đoàn phương tiện:**

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2					
	<b>Tổng cộng</b>				

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
	...			

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến: .....đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ .....đến ...): ..... đồng/HK

- Chặng 2 (từ .....đến ...): ..... đồng/HK

- Chặng .....  
.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:..... kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước: ..... đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe: .....

b) Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe: ..... sức chứa: ..... năm sản xuất.....

- Số lượng xe:.....

**VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:**

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại ..... (sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ..... (sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng

dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm: .....

3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị: .....

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, HTX**

(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ thành phần hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho Đơn vị kinh doanh vận tải.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên trang điện tử của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong ngày làm việc (trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định)

+ Sáng: Từ 07g00 đến 11g30;

+ Chiều: Từ 13g00 đến 16g30.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **c.1. Thành phần hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:



+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh:

(1) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;

(2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;

(3) Người đại diện theo pháp luật;

(4) Các hình thức kinh doanh;

(5) Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.

*(việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).*

- Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

(2) Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

(3) Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

- Đối với hộ kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**h) Phí:** không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 67 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Điều 13, Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**\* Điều 67 Luật giao thông đường bộ. Điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định của Chính phủ;

+ Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

+ Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã phải có trình độ chuyên môn về vận tải;

+ Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

- Chỉ các doanh nghiệp, hợp tác xã mới được kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, bằng xe taxi và phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

+ Có bộ phận quản lý các điều kiện về an toàn giao thông;

+ Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai.

- Chỉ các doanh nghiệp, hợp tác xã mới được kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ và phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này.

- Chính phủ quy định cụ thể điều kiện và việc cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**\* Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP: Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô:**

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi,

lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

**\* Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP: Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô:**

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an. Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét:

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH  
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

.....

-----

Số: .../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Địa chỉ trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do ..... cấp ngày ..... tháng .... năm..... ; Mã số thuế .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
- .....  
- .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng:.... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: ..... (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết nhưng nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên:
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

### **3. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ thành phần hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định. Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho Đơn vị kinh doanh vận tải.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên trang điện tử của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: [qlvt.mt.gov.vn](http://qlvt.mt.gov.vn) và làm theo hướng dẫn.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong ngày làm việc (trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định)

+ Sáng: Từ 07g00 đến 11g30;

+ Chiều: Từ 13g00 đến 16g30.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh);

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**h) Phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.





- Đơn vị đạt hạng:.... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: ..... (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết nhưng nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên:
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**4. Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ thành phần hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin

của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho Đơn vị kinh doanh vận tải.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên trang điện tử của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong ngày làm việc (trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định)

+ Sáng: Từ 07g00 đến 11g30;

+ Chiều: Từ 13g00 đến 16g30.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phù hiệu xe.

**h) Phí:** không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đơn vị vận tải được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải có loại hình vận tải đúng với loại phù hiệu xin cấp.

- Thiết bị giám sát hành trình của phương tiện đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

.....

-----

Số: .../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU**

Kính gửi: ..... (Sở Giao thông vận tải) .....

1. Tên đơn vị KDVT: .....
  2. Địa chỉ: .....
  3. Số điện thoại (Fax): .....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô ..... ngày ..... tháng.....năm....., nơi cấp .....
- Số lượng phù hiệu, biên hiệu nộp lại: .....
- Đề nghị được cấp: (1) .....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biên kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biên hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

**5. Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ thành phần hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin

của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho đương sự.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên trang điện tử của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong ngày làm việc (trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định)

+ Sáng: Từ 07g00 đến 11g30;

+ Chiều: Từ 13g00 đến 16g30.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c.1. Thành phần hồ sơ:**

- Đối với trường hợp khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Đối với trường hợp khi bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng phù hiệu.

**c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**



- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phù hiệu xe.

**h) Phí:** không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đơn vị vận tải được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải có loại hình vận tải đúng với loại phù hiệu xin cấp.

- Thiết bị giám sát hành trình của phương tiện đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020 NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU

TÊN ĐƠN VỊ  
KDVT: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU

Kính gửi: ..... (Sở Giao thông vận tải) .....

1. Tên đơn vị KDVT: .....
  2. Địa chỉ: .....
  3. Số điện thoại (Fax): .....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô ..... ngày ..... tháng.....năm....., nơi cấp .....
- Số lượng phù hiệu, biên hiệu nộp lại: .....
- Đề nghị được cấp: (1) .....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biên kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biên hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

### **1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ qua dịch vụ Bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ thành phần hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

Bước 3 : Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn **03** ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn **05** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Bước 4 : Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp (*hoặc qua hệ thống bưu điện*) cho tổ chức, cá nhân.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên trang điện tử của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: **qlvt.mt.gov.vn** và làm theo hướng dẫn.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong ngày làm việc (trừ Thứ 7, Chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định)

+ Sáng: Từ 07g00 đến 11g30;

+ Chiều: Từ 13g00 đến 16g30.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c.1. Thành phần hồ sơ:

- **Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:**

- + Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- + Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

+ Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

**- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:**

- + Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c.2. Số lượng hồ sơ 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**h) Phí:** không có.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (sau đây viết gọn là Nghị định số 10/2020/NĐ-CP).

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 67 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Điều 13, Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**\* Điều 67 Luật giao thông đường bộ. Điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô:**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định của Chính phủ;

+ Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

+ Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã phải có trình độ chuyên môn về vận tải;

+ Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

- Chỉ các doanh nghiệp, hợp tác xã mới được kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, bằng xe taxi và phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

+ Có bộ phận quản lý các điều kiện về an toàn giao thông;

+ Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai.

- Chỉ các doanh nghiệp, hợp tác xã mới được kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ và phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này.

- Chính phủ quy định cụ thể điều kiện và việc cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**\* Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP: Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô:**

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã

có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

**\* Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP: Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô:**

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an. Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét:

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

### **k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN  
TẢI BẰNG XE Ô TÔ

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI  
BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Địa chỉ trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp)  
số: ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....;  
Mã số thuế: .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
- .....  
- .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng:.... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: ..... (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.



*Nơi nhận:*

- Như trên:
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.